

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28/3/2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Nguyệt
Ông Vũ Ngọc Côn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 308/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khắc S - Sinh năm 1977

Trú quán: L Tr – N H – L Ng – B G (Có mặt).

Bị đơn: Chị Đỗ Thị N – Sinh năm 1979

Trú quán: L T – N H – L Ng – B G (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/9/2017 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Nguyễn Khắc S trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị N kết hôn với nhau vào ngày 28/9/2001. Trước khi kết hôn có được tìm, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N H, huyện L Ng, tỉnh B G theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn L T – N H – L Ng – B Gi. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, về sau hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gây ra cói cọ nhau. đến nay anh nhận thấy tởn cảm vợ

chồng khùng cũn, khùng thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa, anh đề nghị Tòa ôn nhõn dõn huyện Lục Ngạn giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị N

Về con chung: Anh chị cú 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002; Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002, để chị N nuôi con chung là Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2018 bị đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Khắc S ngày 28/9/2001. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N H, huyện L Ng, tỉnh B G theo quy định của pháp luật, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn L T – N H – L Ng – B G. Trong thời gian vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 6 năm 2017 anh S có quan hệ bất chính với người khác, chị có khuyên bảo nhưng anh S không nghe, sau đó vợ chồng ly thân cho đến nay, đến nay anh S đơn phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn chị hoàn toàn nhất trí vì anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Anh chị cú 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002 và Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng một lần kể từ khi xét xử cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu anh S có nguyện vọng nuôi con thì phải cam kết nuôi con ăn học ít nhất đủ 18 tuổi, nếu đỗ đại học thì phải nuôi tiếp.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2017 cháu Nguyễn Nhật T trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được ở với bố là Nguyễn Khắc S.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2017 cháu Nguyễn Nhật Á trình bày: Cháu có nguyện vọng xin được ở mẹ là Đỗ Thị N.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Khắc S trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vì anh và chị N không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn giữa anh và chị N đã trầm trọng, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh

được ly hôn với chị Đỗ Thị N; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002; Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002, để chị N nuôi con chung là Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu mức cấp dưỡng như vậy anh không nhất trí.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị N trình bày: Chị nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Khắc S, vì anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa; Về con chung: Chị xác định có 02 con chung như lời trình bày của anh S. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Nếu anh S không cấp cấp dưỡng đủ 3.000.000 đồng thì chị không có khả năng nuôi cả 02 con chung được.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật. Thực hiện thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khắc S và chị Đỗ Thị N.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Khắc S nuôi con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002, giao cho chị Đỗ Thị N nuôi con chung là Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, sau khi ly hôn chị N, anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh S thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc

hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Khắc S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003094 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Khắc S và chị Đỗ Thị N kết hôn với nhau vào năm 2001. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N H theo quy định của pháp luật, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian anh chị chung sống, anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị N cũng xác định đến nay hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Khắc S, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khắc S và chị Đỗ Thị N

[2] Về con chung: Anh S, chị N đều xác định: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002 và Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, ly hôn anh S có nguyện vọng nuôi con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002, để chị N nuôi con chung là Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị N có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với chị mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng một lần kể từ khi xét xử cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu anh S có nguyện vọng nuôi con thì phải cam kết nuôi con ăn học ít nhất đủ 18 tuổi, nếu đỗ đại học thì phải nuôi tiếp. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh S, chị N có hai con chung, khi hỏi lời khai cháu Nguyễn Nhật T có nguyện vọng xin được ở với anh S, cháu Nguyễn Nhật Á có nguyện vọng xin được ở với chị N, xét nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện của anh S, chị N nên cần giao cho anh S nuôi cháu Nguyễn Nhật T, giao cho chị Đỗ Thị N nuôi cháu Nguyễn Nhật Á là phù hợp với quy định của pháp luật. Do mỗi người nuôi một con, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Khắc S và chị Đỗ Thị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Khắc S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; 35; 227; 271; 272 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khắc S và chị Đỗ Thị N.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Khắc S nuôi con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày 25/9/2002, giao cho chị Đỗ Thị N nuôi con chung là Nguyễn Nhật Á, sinh ngày 19/2/2007, khụng bờn nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Sau khi ly hôn chị N, anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh S thực hiện quyền này.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Khắc S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003094 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã N H;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Thế